

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/2002/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH
PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH TỔNG THỂ
VỀ ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2005

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005;

Căn cứ vào Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58/CT-TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa giai đoạn 2001 - 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Tờ trình số 2297/TTr-BKHCNMT ngày 15 tháng 8 năm 2001) và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tờ trình số 3215/BKH-VPTĐ ngày 23 tháng 5 năm 2002),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam đến năm 2005 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

Đến năm 2005 ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin Việt Nam đạt những đặc trưng và chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Trình độ và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trung bình trong cả nước đạt mức trung bình của các nước trong khu vực; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các ngành kinh tế mũi nhọn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ở Trung ương, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

2. Phát triển mạng viễn thông và Internet có công nghệ hiện đại với thông lượng ngày càng lớn, tốc độ và chất lượng cao, cung cấp cho xã hội, người tiêu dùng các dịch vụ đa dạng với giá cả tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực. Đến năm 2005, tất cả các

ting, thành phố trong cả nước được kết nối bằng cáp quang, tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 4 đến 5% trên tổng số dân.

3. Công nghiệp công nghệ thông tin đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20 - 25%, hỗ trợ các ngành quan trọng phát triển, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng cao và bền vững của nền kinh tế. 4. Đào tạo thêm 50.000 chuyên gia về công nghệ thông tin ở các trình độ khác nhau, trong đó có 25.000 chuyên gia trình độ cao và lập trình viên chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ cần thiết cho công nghệ thông tin.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong những lĩnh vực ưu tiên.

a) Các lĩnh vực kinh tế - xã hội đóng vai trò quan trọng thiết yếu nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp; phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Trong an ninh và quốc phòng.

c) Trong các dịch vụ hành chính nhà nước và các dịch vụ xã hội khác. Trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

d) Xây dựng và đưa vào hoạt động một số hệ thống thông tin điện tử, từng bước kiến tạo hạ tầng thông tin quốc gia tiến tới một hệ thống thông tin quốc gia thống nhất.

2. Phát triển mạng viễn thông và Internet quốc gia.

Phát triển mạng viễn thông và Internet tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy phủ sóng trong cả nước. Hình thành xa lộ thông tin quốc gia có dung lượng lớn, tốc độ cao.

Cung cấp dịch vụ truy cập băng rộng đến tận hộ tiêu dùng: cáp quang, vô tuyến băng rộng, thông tin vệ tinh... Phát triển các mạng thông tin dùng riêng.

Đẩy nhanh việc phổ cập Internet trong các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội tạo điều kiện cho người tiêu dùng có thể tiếp cận, truy cập Internet với chất lượng tốt, giá cả tương đương mức bình quân các nước trong khu vực.

Phát triển Internet để ứng dụng các loại hình dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin khác nhau như: báo chí điện tử, thương mại điện tử, hành chính điện tử, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, giáo dục, đào tạo, y tế qua mạng... phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mở cửa cho phép thêm nhiều nhà cung cấp dịch vụ kết nối (IXP), dịch vụ truy nhập (ISP), dịch vụ ứng dụng (OSP) tham gia cạnh tranh bình đẳng nhằm nâng cao hiệu quả và thúc đẩy thị trường phát triển.

Tới năm 2005 số người sử dụng Internet tăng ít nhất 10 lần so với năm 2000, đạt chỉ tiêu 1,3 đến 1,5 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 4 đến 5% trên tổng số dân. Tạo điều kiện cơ bản để đến năm 2010 tỷ lệ người sử dụng Internet của Việt Nam đạt mức trung bình khu vực.

Năm 2002 - 2003 tất cả các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề được kết nối Internet. Năm 2005: 500% số trường phổ thông trung học trên toàn quốc; tất cả các bệnh viện tuyến Trung ương và trên 50% số bệnh viện tuyến tỉnh được kết nối Internet.

Năm 2005 mạng thông tin của tất cả các Bộ, ngành, các cơ quan hành chính của bộ máy quản lý nhà nước Trung ương, chính quyền địa phương cấp tỉnh và huyện được kết nối với mạng diện rộng của Chính phủ và Internet; hầu hết cán bộ, công chức tại các đơn vị trên có

khả năng sử dụng các ứng dụng trên Internet phục vụ công tác chuyên môn; đưa Internet vào phục vụ nền hành chính công điện tử.

3. Xây dựng ngành công nghiệp công nghệ thông tin.

a) Công nghiệp phần mềm.

Xây dựng công nghiệp phần mềm thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm 30 - 35%. Khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư từ các khu vực kinh tế khác nhau, kể cả khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, để thu hút vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp phần mềm. Khuyến khích hình thành và có chính sách ưu đãi phát triển các khu công nghiệp phần mềm tập trung với những quy mô khác nhau. Nhà nước trực tiếp đầu tư khoảng 50 - 70 triệu USD hỗ trợ các dự án phát triển nguồn lực, phát triển thị trường, phát triển sản phẩm.

Đến năm 2005, đạt tổng sản lượng 500 triệu USD, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD.

Thu hút được 25.000 đến 30.000 chuyên gia và lập trình viên chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ làm việc trong công nghiệp phần mềm.

b) Công nghiệp phần cứng.

Phát triển nhanh công nghiệp phần cứng trong lĩnh vực máy tính và truyền thông.

Đảm bảo máy tính, thiết bị truyền thông sản xuất, lắp ráp trong nước chất lượng cao, đáp ứng khoảng 80% như cầu nội địa, có sức cạnh tranh về giá trên thị trường thế giới và khu vực để tham gia xuất khẩu.

Đẩy mạnh việc sản xuất các thiết bị thông tin và xử lý thông tin, đặc biệt là các thiết bị có kết nối với mạng máy tính.

Có chính sách đặc biệt để thu hút đầu tư nước ngoài và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước cho phát triển công nghiệp phần cứng, đặc biệt là thu hút các công ty đa quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin đầu tư và chuyển giao công nghệ ở Việt Nam.

4. Phát triển nguồn nhân lực.

Nâng cao chất lượng đào tạo về công nghệ thông tin trong hệ thống giáo dục và đào tạo hiện có thông qua việc nâng cao trình độ của giáo viên, giảng viên; cập nhật giáo trình hiện đại theo nhu cầu của xã hội và thị trường; tạo điều kiện cho sinh viên, học sinh có cơ sở vật chất tốt cho học tập công nghệ thông tin (máy tính, thư viện, Internet, phòng thí nghiệm,...).

Xây dựng mới một số cơ sở chuyên trách đào tạo chất lượng cao các kỹ sư, cử nhân và sau đại học về công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu về lao động chuyên nghiệp cho công nghiệp công nghệ thông tin, cho nghiên cứu và giảng dạy công nghệ thông tin. Kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả công tác đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu công nghệ thông tin.

Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin thích hợp cho sinh viên các ngành không chuyên công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành này và tạo điều kiện để phát triển các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới của các ngành này kết hợp với các thành tựu, phương pháp của công nghệ thông tin; triển khai việc đào tạo công nghệ thông tin chuyên ngành cho các cán bộ, kỹ sư, sinh viên tốt nghiệp các ngành không chuyên công nghệ thông tin. Từ năm 2002 đến năm 2005, mỗi năm đào tạo theo loại hình này khoảng 2.000 - 3.000 người với những chương trình đào tạo thiết thực.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho gửi đi đào tạo chính quy ở nước ngoài hàng năm khoảng 300 sinh viên (đại học và sau đại học) và 500 chuyên viên, cán bộ các cấp (chuyên viên quản

ly công nghệ thông tin, giáo viên đại học và cao đẳng, nghiên cứu viên, kỹ sư đang làm việc trong công nghiệp công nghệ thông tin) đi thực tập ngắn hạn, nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở các nước và khu vực có nền công nghệ thông tin phát triển.

Gấp rút đào tạo đội ngũ chuyên gia công nghệ thông tin cấp cao (đứng đầu các dự án, đứng đầu các doanh nghiệp công nghệ thông tin...) và các chuyên gia đầu ngành công nghệ thông tin.

Bổ túc kiến thức công nghệ thông tin cho tất cả các giáo viên các cấp học, bậc học. Giảng dạy về ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên trong các trường sư phạm. Chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và quản lý giáo dục.

Xã hội hóa công tác giáo dục đào tạo về công nghệ thông tin, khuyến khích các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế và các cá nhân tham gia đầu tư phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin. Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến kiến thức, thông tin về công nghệ thông tin trong toàn xã hội. Tạo điều kiện và môi trường thu hút người nước ngoài, đặc biệt người Việt Nam ở nước ngoài mang tri thức, công nghệ và đầu tư đóng góp tích cực vào quá trình phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam.

Mỗi năm, khoảng 20% số cán bộ đang làm việc tại các tổ chức cơ quan Đảng, Nhà nước ở mọi cấp được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin.

5. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và triển khai về công nghệ thông tin.

Công tác nghiên cứu công nghệ thông tin nhằm giải quyết các nhiệm vụ sau: nắm bắt được những tiến bộ công nghệ của thế giới, thực hiện có hiệu quả việc thích nghi hóa và chuyển giao công nghệ vào Việt Nam; từng bước giải quyết những vấn đề công nghệ thông tin đặc thù của Việt Nam, trước hết là chữ viết, dịch thuật, tiếng nói. Khuyến khích thành lập các vườn ươm công nghệ có tiềm năng thương mại nảy sinh từ các cơ sở nghiên cứu triển khai của các khu công viên phần mềm, các viện, trường đại học và khu vực sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế.

Tổ chức việc đánh giá và công nhận các sản phẩm công nghệ thông tin được sản xuất ở trong nước đạt tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với điều kiện Việt Nam để khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm này. Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu về các sản phẩm công nghệ thông tin nội địa.

Khuyến khích thành lập các cơ sở nghiên cứu - triển khai về công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp công nghệ thông tin thuộc mọi thành phần kinh tế.

Tăng cường một số cơ sở nghiên cứu chủ chốt về công nghệ thông tin tại các viện và trường đại học thành lực lượng nòng cốt về nghiên cứu và triển khai.

6. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi.

Xây dựng và triển khai các chính sách về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin: luật về thông tin điện tử, chính sách tạo nguồn thông tin và chuẩn hóa thông tin, bảo hộ sở hữu trí tuệ và bản quyền tác giả, mua sắm, sử dụng trang thiết bị và dịch vụ công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước, đối với xây dựng kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ viễn thông, Internet, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực công nghệ thông tin, đầu tư nghiên cứu và triển khai về công nghệ thông tin, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin gắn liền với yêu cầu tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, chuẩn hóa trong công nghệ thông tin, an ninh và bảo mật thông tin, ưu đãi đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông

tin và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin mở rộng thị trường, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin.

7. Kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về lĩnh vực công- nghệ thông tin.

Xây dựng và triển khai đề án về tổ chức thống nhất quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và viễn thông với các cơ chế cần thiết, kể cả hệ thống chức danh cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý công nghệ thông tin và cán bộ lãnh đạo thông tin.

Triển khai hoạt động của Ban Chỉ đạo giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58/CT-TW về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa giai đoạn 2001 - 2005 như trong Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin trong toàn xã hội, đặc biệt là đối với các cán bộ lãnh đạo và quản lý nhà nước.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng hóa các hình thức thông tin, phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin và xã hội thông tin thông qua truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Tổ chức các hình thức, nội dung thông tin thích hợp cho lãnh đạo các cấp về chiến lược và chính sách công nghệ thông tin của các nước, về xu hướng phát triển, ảnh hưởng, tầm quan trọng và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ các lĩnh vực và hoạt động...

Xây dựng và triển khai việc đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin cho lãnh đạo các cấp.

III. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các giải pháp chủ yếu.

Huy động tối đa các nguồn lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Đến năm 2005, tổng đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin từ tất cả các nguồn đạt 2% GDP, trong đó các nguồn lực từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức kinh tế - xã hội là chủ yếu. Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương hàng năm dành một tỷ lệ thích hợp cho việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi, ưu đãi cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ và có hiệu quả các dự án công nghệ thông tin.

Tăng cường đổi mới công tác quản lý nhà nước, sớm kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý về công nghệ thông tin và viễn thông để thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

Nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin trong toàn xã hội, đặc biệt đối với cán bộ quản lý nhà nước, lãnh đạo các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Triển khai các chương trình, đề án, dự án trọng điểm:

a) Các chương trình trọng điểm:

Chương trình "Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng viễn thông và Internet" do Tổng cục Bưu điện chủ trì.

Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực về công nghệ thông tin" do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

Chương trình "Xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm" do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì.

Chương trình "Xây dựng và phát triển công nghiệp phần cứng" do Bộ Công nghiệp chủ trì.

b) Các đề án, dự án trọng điểm:

Đề án trọng điểm:

Triển khai Đề án "Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005" do Văn phòng Chính phủ chủ trì đã được nêu trong Quyết định số 112/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Các dự án trọng điểm.

Dự án "Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin lãnh đạo của Đảng" do Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì.

Dự án "Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng" do Ngân hàng Nhà nước chủ trì.

Dự án "Hoàn thiện hệ thống thông tin tài chính" do Bộ Tài chính chủ trì.

Dự án "Hiện đại hóa hệ thống thông tin ngành hải quan" do Tổng cục Hải quan chủ trì.

Dự án "Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống tin thống kê nhà nước" do Tổng cục Thống kê chủ trì.

Dự án "Tổ chức triển khai phát triển thương mại điện tử" do Bộ Thương mại chủ trì.

Dự án "Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn" do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì.

Dự án "Xây dựng thí điểm một số hệ thống thông tin giải quyết những vấn đề bức xúc về quản lý đô thị tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chủ trì.

Dự án "Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong quốc phòng" do Bộ Quốc phòng chủ trì.

Dự án "Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ an ninh công cộng" do Bộ Công an chủ trì.

Dự án "Hệ thống tin điện tử về văn hóa - xã hội" do Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì.

Dự án "Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin điện tử về luật" do Bộ Tư pháp chủ trì.

Điều 2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào Kế hoạch tổng thể này xây dựng kế hoạch tổng thể giai đoạn 2002 - 2005 và kế hoạch hàng năm về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin như một bộ phận ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội của đơn vị mình; triển khai các hoạt động về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong kế hoạch hoạt động thường xuyên của đơn vị; đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao chủ trì các chương trình, đề án, dự án trọng điểm đã nêu trong điểm 2 Phần III Điều 1 của Quyết định này phải sớm hoàn thành xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch thực hiện và triển khai ngay một số hoạt động từ năm 2002.

c) Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Thương mại, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tổng cục Bưu điện, Tổng cục Thống kê thực hiện các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao trong Phần III Điều 1 của Quyết định số 81/2001/QĐ-

TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 nhằm góp phần cho việc thực hiện các mục tiêu và các nội dung cụ thể của Kế hoạch tổng thể này.

d) Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cân đối, tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch nhà nước 5 năm và hàng năm cho các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, các dự án, kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng các giải pháp triển khai chính sách huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

đ) Giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí và cấp đủ kinh phí cho các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, các dự án, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; có cơ chế, chính sách đảm bảo chi một cách có hiệu quả cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

e) Giao Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2002 - 2005; xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2002 - 2005 và hàng năm phù hợp với Kế hoạch tổng thể này; đề xuất những giải pháp cần thiết trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể hàng năm và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể vào năm kết thúc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án Nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu: KG(5b), VT.

**KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG**

(đã ký)

Phạm Gia Khiêm